S19B300N/S19B300B/S19B300NW/S20B300N/S20B300B/S22B300N/
S22B300B/S22B300H/S23B300N/S23B300B/S23B300H/S24B300BL/
S24B300HL/S24B300N/S24B300B/S24B300H

Màn hình

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

SAMSUNG

Mục lục

CÁC LƯU Ý AN TOÀN CHÍNH

Trước khi bắt đầu 1-1
Bảo dưỡng và bảo trì 1-2
Vệ sinh màn hình 1-3
Các lưu ý an toàn 1-4

LẮP ĐẶT SẢN PHẨM

Phụ kiện trong hộp đựng 2-1
Lắp đặt chân đế 2-2
Kết nối màn hình 2-3
Khóa Kensington 2-4

SỬ DỤNG SẢN PHẨM

Thiết lập độ phân giải tối ưu 3-1
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-2
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-3
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-4
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-5
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-6
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-7
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-8
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-9
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-10
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-11
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-12
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-13
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-14
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-15
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-16
Bảng kiểu tín hiệu chuẩn 3-17
Cài đặt trình điều khiển thiết bị 3-18
Các nút điều khiển 3-19
Sử dụng menu điều chỉnh màn hình (OSD:Khung điều khiển) 3-20
Cấu hình Brightness và Contrast trong Màn hình Ban đầu 3-21

CÀI ĐẶT PHẦN MỀM

Natural Color 4-1
MagicTune 4-2
MultiScreen 4-3

GIẢI QUYẾT SỰ CỐ

Tự chuẩn đoán màn hình - Self-Diagnosis 5-1
Trước khi yêu cầu dịch vụ 5-2
Các câu hỏi thường gặp (FAQ) 5-3

THÔNG TIN BỔ SUNG

Đặc tính kỹ thuật 6-1
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-2
Đặc tính kỹ thuật 6-3
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-4
Đặc tính kỹ thuật 6-5
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-6
Đặc tính kỹ thuật 6-7
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-8
Đặc tính kỹ thuật 6-9
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-10
Đặc tính kỹ thuật 6-11
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-12
Đặc tính kỹ thuật 6-13
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-14
Đặc tính kỹ thuật 6-15
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-16
Đặc tính kỹ thuật 6-17
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-18
Đặc tính kỹ thuật 6-19
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-20
Đặc tính kỹ thuật 6-21
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-22
Đặc tính kỹ thuật 6-23
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-24
Đặc tính kỹ thuật 6-25
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-26
Đặc tính kỹ thuật 6-27
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-28
Đặc tính kỹ thuật 6-29
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-30
Đặc tính kỹ thuật 6-31
Chức năng tiết kiệm năng lượng 6-32
Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE 6-33
Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng) 6-34

1 Các lưu ý an toàn chính

1-1 Trước khi bắt đầu

Các biểu tượng được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
	Lưu ý	Chỉ ra những trường hợp chức năng không hoạt động hoặc thiết lập được hủy bỏ.
	Lưu ý	Chỉ ra một gợi ý hoặc mẹo để sử dụng một chức năng.

Sử dụng tài liệu hướng dẫn này

- Bạn nên hiểu đầy đủ về các lưu ý an toàn trước khi sử dụng sản phẩm này.
- Nếu gặp sự cố, vui lòng tham khảo mục “giải quyết sự cố”.

Thông báo về bản quyền

Để cải tiến năng suất sản phẩm, nội dung trong tài liệu hướng dẫn này có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Bản quyền © **2011 công ty TNHH điện tử Samsung vina. Tất cả đã đăng ký bản quyền.**

Bản quyền của tài liệu hướng dẫn này đã được công ty TNHH điện tử Samsung đăng ký bảo hộ.

Không được in ấn, phân phát hoặc sử dụng từng phần hoặc toàn bộ nội dung hướng dẫn này dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa nhận được sự chấp thuận bằng văn bản từ công ty TNHH điện tử Samsung.

Microsoft, Windows và Windows NT là các thương hiệu đã đăng ký của tập đoàn Microsoft.

VESA, DPM và DDC là các thương hiệu đã đăng ký của hiệp hội tiêu chuẩn điện tử Video (VESA).

1-2 Bảo dưỡng và bảo trì

Bảo đảm Không gian lắp đặt

- Giữ khoảng cách cần thiết giữa sản phẩm và các vật khác vd : tường để đảm bảo thông gió hợp lý
  Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm do nhiệt độ bên trong tăng.
  Lắp đặt sản phẩm sao cho có khoảng cách cần thiết như hình vẽ.

  Hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.

Khi lắp đặt sản phẩm cùng với chân đế

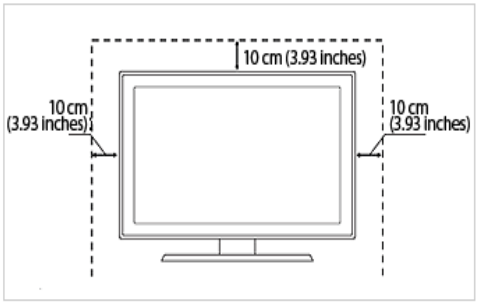

Về hiện tượng lưu ảnh

- Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình. Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.

1-3 Vệ sinh màn hình

Vệ sinh màn hình

- Panen và mặt ngoài của màn hình có tính năng vượt trội này dễ bị xước và bạn cần phải cẩn thận khi vệ sinh máy. Vệ sinh màn hình theo các bước sau.

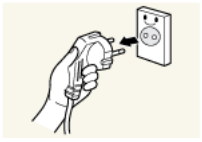

1. Tắt nguồn màn hình và PC.
2. Rút cáp nguồn ra khỏi màn hình.

Để tránh giật điện, hãy chắc chắn là bạn rút cáp nguồn ra khỏi màn hình bằng cách giữ chặt phích cắm và không sờ vào cáp khi tay bị ướt.

3. Lau màn hình bằng cách dùng mảnh vải mềm ẩm đã được vắt kiệt nước.

- Không được sử dụng chất tẩy có chứa cồn hoặc dung môi hoặc có hoạt tính bề mặt. Nếu không thì mặt ngoài của màn hình có thể mất màu hoặc bị nứt hoặc lớp mạ của panen có thể bị bong ra.

- Không xịt nước hoặc chất tẩy rửa trực tiếp lên màn hình. Nếu không, chất lỏng có thể ngấm vào màn hình và gây cháy, giật điện hoặc hỏng hóc.

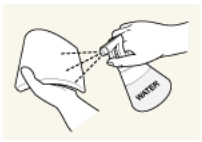

4. Sử dụng miếng vải mềm có thấm ít nước để lau sạch mặt ngoài của màn hình

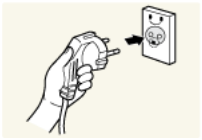

5. Kết nối cáp nguồn với màn hình sau khi bạn vệ sinh màn hình xong.
6. Bật nguồn màn hình và PC.

Lưu ý về việc cất giữ sản phẩm

- Sử dụng máy tạo độ ẩm siêu âm có thể tạo ra vết màu trắng trên sản phẩm có độ bóng cao.

Hãy chắc chắn là bạn liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất (dịch vụ trả tiền) để họ giúp bạn vệ sinh bên trong màn hình.

Các biểu tượng lưu ý an toàn

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
⚠	Cảnh báo	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong.
⚠	Lưu ý	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại về tài sản.

Ý nghĩa các dấu hiệu

Không được thực hiện.

Phải tuân thủ.

Không được tháo rời.

Phích cắm phải rút ra khỏi ổ cắm trên tường.

Không được chạm vào.

Luôn nối tiếp đất để tránh chập điện.

Về nguồn điện

Hình ảnh sản phẩm được sử dụng trong các ảnh sau để bạn tham khảo trông có thể khác sản phẩm thật.

Cảnh báo

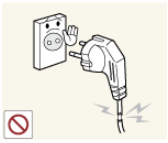

Tránh sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm hư hỏng, ổ điện lỏng hoặc hư hỏng.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Tránh cắm và rút dây điện bằng tay ẩm ướt.

- Nếu không, có thể gây chập điện.

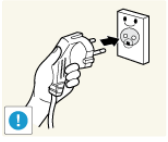

Hãy chắc chắn rằng đã kết nối dây nguồn với ổ cắm trên tường được nối đất (cách điện chỉ dùng cho sản phẩm loại 1).

- Nếu không, có thể gây ra điện giật hoặc thương tích.

Tránh để dây nguồn và sản phẩm cạnh bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

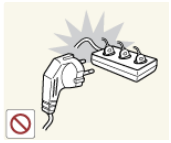

Tránh sử dụng chung nhiều thiết bị điện trên cùng một ổ cắm điện trên tường.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn do ổ cắm trên tường quá nóng.

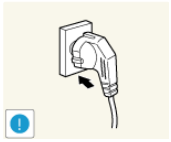

Gắn phích cắm vào ổ điện một cách chắc chắn.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

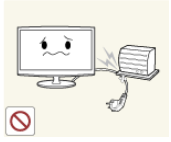

Tránh uốn hoặc xoắn dây nguồn quá mức và tránh để vật nặng đè lên dây nguồn.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn do dây nguồn bị phá hủy.

Nếu chân ghim của phích cắm hoặc ổ cắm trên tường bị bụi đóng kín, hãy làm sạch bằng một miếng khăn khô.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

Lưu ý

Tránh rút phích cắm khi sản phẩm đang hoạt động.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm do chập điện.

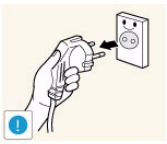

Khi rút phích cắm khỏi ổ cắm trên tường, luôn giữ đầu phích cắm để rút ra và tránh nắm dây để rút.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

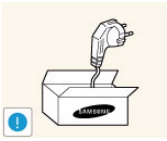

Chắc chắn rằng bạn chỉ sử dụng dây nguồn đi kèm chính hãng. Ngoài ra, không sử dụng dây nguồn của thiết bị điện khác.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Cắm phích cắm vào ổ cắm trên tường mà bạn dễ dàng với tới.

- Khi sản phẩm bị hư hỏng, bạn phải rút phích cắm ra để cắt điện hoàn toàn. Bạn không thể cắt nguồn điện hoàn toàn chỉ bằng cách nhấn nút nguồn trên sản phẩm.

Về lắp đặt

Cảnh báo

Tránh để nến cháy, thuốc xịt muỗi hoặc thuốc lá trên sản phẩm và đặt sản phẩm gần bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi kém thông thoáng, ví dụ như trong kệ sách hoặc tủ.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.

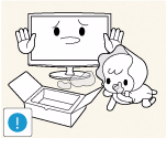

Để các túi nhựa dùng đóng gói sản phẩm tránh xa trẻ em.

- Nếu trẻ em để túi nhựa trùm vào đầu, các em có thể bị ngạt.

Tránh lắp đặt sản phẩm ở vị trí dễ bắt bụi, ẩm ướt (nhà tắm hơi), dầu, khói hoặc nước (mưa rơi) và lắp đặt sản phẩm trong xe cộ.

- Điều này có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn.

Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi trẻ em dễ với tới.

- Nếu trẻ em chạm tay vào sản phẩm, sản phẩm có thể rơi xuống và gây ra thương tích.
- Do mặt trước của sản phẩm nặng hơn, hãy lắp đặt nó trên một bề mặt ổn định và phẳng.

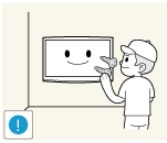

Yêu cầu kỹ sư lắp đặt hoặc công ty chuyên ngành để lắp đặt sản phẩm lên tường.

- Nếu không, có thể gây ra thương tích.
- Hãy chắc chắn sử dụng đúng loại giá đỡ chuyên dùng để gắn tường.

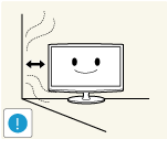

Để sản phẩm cách tường ít nhất 10 cm để thông thoáng.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.

Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi không chắc chắn hoặc rung lắc quá mức, chẳng hạn như trên một kệ nghiêng hoặc không cố định.

- Sản phẩm có thể rơi xuống gây ra hư hỏng hoặc thương tích.
- Nếu bạn đặt sản phẩm ở nơi rung lắc quá mức, điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc hỏa hoạn.

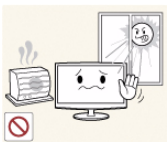

Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời hoặc gần một nguồn nhiệt như lửa hoặc bếp lò.

- Điều này có thể làm giảm tuổi thọ của sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.

Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

Lưu ý

Không để sản phẩm rớt xuống khi di chuyển.

- Điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Khi lắp đặt trên tủ đựng tivi hoặc giá sách, hãy chắc chắn phần trước của sản phẩm không nhô ra khỏi tủ đựng tivi hoặc giá sách.

- Nếu không, có thể rơi xuống và gây ra hỏng hoặc thương tích.
- Luôn sử dụng một tủ hoặc giá sách phù hợp với kích thước của sản phẩm.

Nếu sản phẩm được lắp đặt ở vị trí mà các điều kiện vận hành thay đổi đáng kể, chất lượng có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do môi trường xung quanh. Trong trường hợp này, chỉ lắp đặt sản phẩm sau khi tham khảo với một trong số các kỹ sư dịch vụ của chúng tôi về vấn đề này.

- Những chỗ tiếp xúc với bụi cực nhỏ, hóa chất, nhiệt độ quá cao hoặc thấp, độ ẩm cao, chẳng hạn như ở sân bay hoặc nhà ga nơi sản phẩm được sử dụng liên tục trong một thời gian dài v.v...

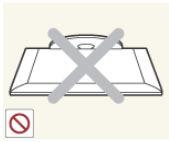

Không đặt sản phẩm úp xuống sàn nhà.

- Điều này có thể làm hỏng tấm panel của sản phẩm.

Khi đặt sản phẩm xuống, hãy hạ nó một cách nhẹ nhàng.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Về cách sử dụng

Cảnh báo

Sản phẩm sử dụng điện áp cao, không bao giờ được tự ý tháo ráp, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.
- Nếu cần sửa chữa sản phẩm, hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.

Nếu sản phẩm phát ra âm thanh lạ, có mùi khét, hoặc khói, lập tức rút phích cắm và liên hệ với trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Khi để rơi sản phẩm hoặc vỡ vỏ, hãy tắt nguồn và rút phích dây nguồn. Hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.

Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

- Nếu không, dây nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

Tránh cho trẻ em treo sản phẩm lên hoặc trèo lên sản phẩm.

- Nếu không, sản phẩm có thể bị rơi xuống gây ra thương tích hoặc tử vong.

Tránh đặt các vật dụng như đồ chơi và bánh kẹo lên trên sản phẩm.

- Đề phòng trường hợp trẻ em đu bám vào sản phẩm để với lấy đồ chơi có thể làm sản phẩm rơi xuống gây ra thương tích hoặc thậm chí tử vong.

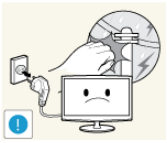

Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Nếu không, cáp nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

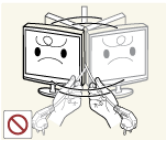

Tránh nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách chỉ nắm dây nguồn hoặc dây tín hiệu.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện, hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm vì cáp hỏng.

Chú ý không để khăn trải bàn hoặc rèm cửa làm bít lỗ thông gió.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.

Tránh đặt các vật chứa chất lỏng như bình, chậu hoa, đồ uống, mỹ phẩm hoặc lọ thuốc, hoặc vật dụng kim loại trên sản phẩm.

- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.

Tránh làm rơi bất kỳ vật nào lên sản phẩm hoặc va đập vào sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

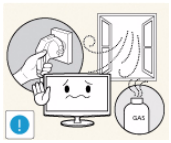

Khi rò rỉ khí, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm và thông gió ngay lập tức.

- Một tia lửa có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.

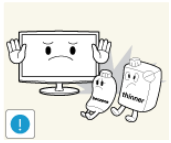

Tránh sử dụng hoặc đặt bình xịt hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Điều này có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.

Tránh đút các vật dụng kim loại như đũa, tiền đồng hoặc kẹp tóc, hoặc vật dễ cháy vào trong sản phẩm (lỗ thông gió, các cổng, .v.v...).

- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.

Lưu ý

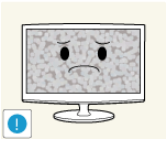

Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình.

- Nếu không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.

Đặt độ phân giải và tần số thích hợp cho sản phẩm.

- Nếu không, có thể làm mỏi mắt.

Không đặt bộ điều hợp trên một bộ điều hợp khác.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

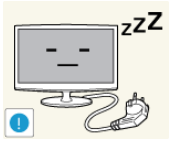

Khi không sử dụng sản phẩm một thời gian dài chẳng hạn như đi xa nhà, hãy rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường.

- Nếu không, nó có thể bị đóng bụi và gây ra hỏa hoạn do quá nóng hoặc đoản mạch hoặc gây ra chập điện.

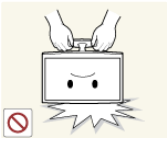

Tránh xoay úp mặt trên sản phẩm xuống hoặc chỉ cầm chân đế khi di chuyển sản phẩm.

- Điều này có thể làm rơi sản phẩm gây ra hư hỏng hoặc thương tích.

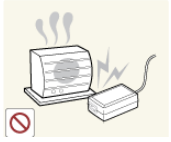

Giữ bộ điều hợp nguồn tránh xa mọi nguồn nhiệt.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

Tháo bao nhựa của bộ điều hợp trước khi sử dụng.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

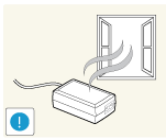

Luôn đặt bộ điều hợp nguồn ở nơi thông thoáng tốt.

Cẩn thận không để bộ điều hợp tiếp xúc với nước và bởi vậy không bị ẩm ướt.

- Điều này có thể dẫn đến trục trặc thiết bị, điện giật hoặc hỏa hoạn. Không sử dụng bộ điều hợp trên bờ sông hoặc bên ngoài đặc biệt khi trời mưa hoặc có tuyết. Cẩn thận không để bộ điều hợp bị ướt trong khi lau sàn nhà bằng nước.

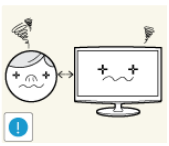

Nhìn vào sản phẩm liên tục ở khoảng cách quá gần có thể gây hại cho thị lực của bạn.

Tránh sử dụng máy giữ độ ẩm hoặc nồi cơm gần sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

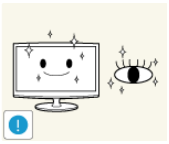

Điều quan trọng là hãy cho mắt của bạn được nghỉ ngơi (5 phút mỗi giờ) khi theo dõi màn hình quá lâu.

- Điều này giúp dịu cảm giác mỏi mắt.

Không chạm vào sản phẩm vì tấm hiển thị sẽ nóng sau một thời gian dài hoạt động.

Để các phụ kiện nhỏ tránh xa trẻ em.

Hãy cẩn thận khi điều chỉnh góc sản phẩm hoặc chiều cao chân đế.

- Nếu để bàn tay hoặc ngón tay bị kẹt, bạn có thể bị thương.
- Nếu để sản phẩm nghiêng quá mức, nó có thể rơi xuống và gây ra thương tích.

Tránh đặt vật nặng lên trên sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm

Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm.

- Giữ lưng thẳng.
- Giữ khoảng cách 45~50 cm từ mắt đến màn hình. Nhìn xuống màn hình và ngửa mặt màn hình ra phía trước.
- Điều chỉnh góc sản phẩm sao cho ánh sáng không bị phản chiếu trên màn hình.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý và giữ cho cánh tay nằm ngang với phần sau của tay bạn.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý.
- Đặt thẳng gót chân trên nền nhà trong khi giữ đầu gối tạo thành một góc 90 độ hoặc hơn và duy trì vị trí của cánh tay sao cho nó ở phía dưới trái tim của bạn.

2 Lắp đặt sản phẩm

2-1 Phụ kiện trong hộp đựng

- Mở sản phẩm và kiểm tra xem tất cả các thành phần sau có được kèm theo.
- Giữ lại hộp đóng gói phòng trường hợp khi cần di chuyển sản phẩm sau này.

Màn hình

NỘI DUNG			
Hướng dẫn cài đặt nhanh	Phiếu Bảo hành (Chỉ có ở một số khu vực)	Tài liệu hướng dẫn sử dụng	Chân đế
		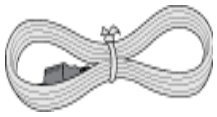	
Trụ chân đế	Bộ biến điện DC	Dây điện nguồn	

TÙY CHỌN			
Cáp HDMI	Cáp chuyển từ HDMI sang DVI	Cáp D-Sub	Cáp DVI

Cáp được cung cấp có thể thay đổi tùy theo sản phẩm bạn mua.

2-2 Lắp đặt chân đế

Trước khi lắp sản phẩm, hãy đặt sản phẩm xuống một bề mặt phẳng và chắc chắn (như mặt bàn chẳng hạn) với mặt màn hình úp xuống.

Trải chăn mềm lên trên mặt bàn để bảo vệ. Tiếp theo, hãy đặt sản phẩm lên trên chăn với mặt màn hình úp xuống.

Chèn trụ chân đế vào đế theo hướng dẫn như hình vẽ.

Kiểm tra trụ chân đế đã ráp nối chắc chắn.

Vặn thật chắc đinh ốc liên kết nằm ở mặt dưới chân đế sao cho nó được cố định hoàn toàn.

Dùng tay giữ thân sản phẩm như hình vẽ.

Đẩy chân đế vừa được ráp nối vào trong thân sản phẩm theo chiều mũi tên như hình vẽ.

- Thận trọng

Không bao giờ nhấc sản phẩm lên mà chỉ cầm mỗi chân đế.

Để tháo chân đế khỏi sản phẩm có thể cần nhiều lực hơn so với lúc gắn vào.

Kết nối với máy PC

- Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.
- Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối.

1. Kết nối sản phẩm tới một máy PC tùy thuộc ngõ ra video được hỗ trợ bởi máy PC.
   - Khi card màn hình cung cấp cổng D-Sub (<Analog>)
     - Kết nối cổng [RGB IN] trên sản phẩm vào cổng [D-Sub] trên máy PC bằng cáp D-Sub.

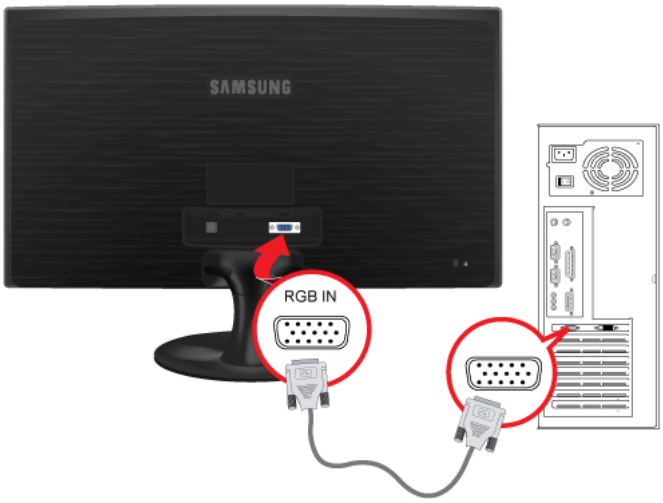

   - Khi card màn hình cung cấp cổng DVI (<Digital>)
     - Kết nối cổng [DVI IN] trên sản phẩm vào cổng [DVI] trên máy PC bằng cáp DVI.

Cổng [DVI IN] chỉ được cung cấp cho các kiểu có cổng (DVI) kỹ thuật số chuyên dụng.

- Dùng cáp chuyển từ HDMI sang DVI để kết nối cổng [HDMI IN] trên sản phẩm với cổng [DVI] trên PC.

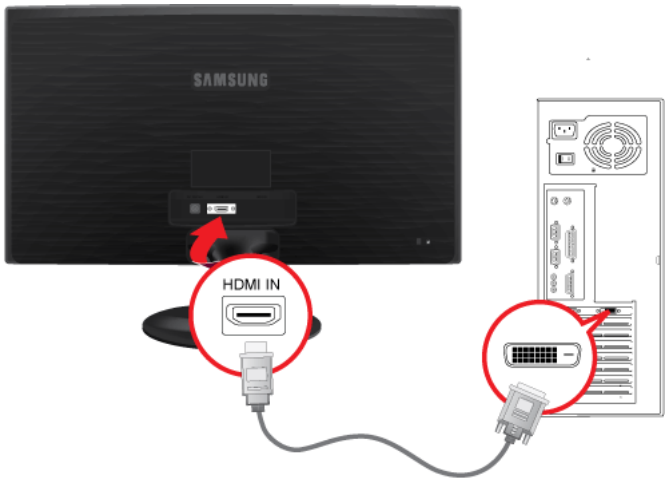

Chỉ cung cấp cổng [HDMI IN] cho những kiểu có cổng HDMI chuyên dụng.

2. Kết nối bộ điều hợp nguồn với giắc [DC] ở mặt sau của sản phẩm. Kết nối dây nguồn với bộ điều hợp và ổ cắm trên tường. (Điện áp vào được chuyển tự động.)

Khi sản phẩm được kết nối với một máy PC, bạn có thể mở nguồn sản phẩm và sử dụng nó.

Kết nối với thiết bị video

Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối.

Kết nối ngõ xuất tín hiệu HDMI của thiết bị xuất tín hiệu số với cổng [HDMI IN] trên sản phẩm bằng cáp HDMI.

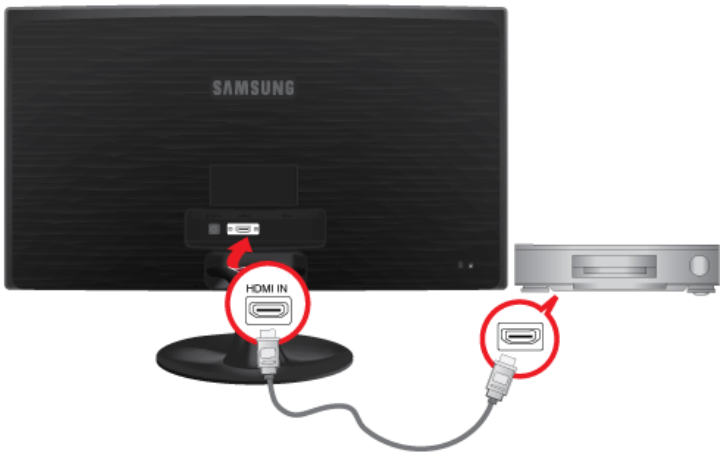

Chỉ cung cấp cổng [HDMI IN] cho những kiểu có cổng HDMI chuyên dụng.

2-4 Khóa Kensington

Khóa Kensington là một sản phẩm chống trộm cho phép người dùng khóa sản phẩm để tạo sự an toàn khi sử dụng ở nơi công cộng. Hình dạng và cách dùng của thiết bị khóa có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu sản phẩm và nhà sản xuất. Để biết chi tiết hơn, tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng cung cấp kèm theo thiết bị khóa.

Bạn phải mua riêng khóa Kensington.

Để khóa sản phẩm hãy làm theo các bước sau:

1. Bọc cáp khóa Kensington quanh vật thể rộng và đứng im như một chiếc bàn hoặc ghế.
2. Trượt đầu cáp có khóa gắn vào đầu có móc của cáp khóa Kensington.
3. Đưa thiết bị khóa vào ổ khóa Kensington trên màn hình (B).
4. Khóa khóa (A).

- Đây là những hướng dẫn chung. Để biết hướng dẫn chính xác, hãy xem sách Hướng dẫn sử dụng cung cấp kèm theo sản phẩm khóa này.
- Bạn có thể mua thiết bị khóa từ cửa hàng điện tử, cửa hàng trực tuyến, hoặc trung tâm dịch vụ của chúng tôi.

3 Sử dụng sản phẩm

3-1 Thiết lập độ phân giải tối ưu

Nếu mở nguồn điện ngay sau khi mua sản phẩm, một thông báo về thiết lập độ phân giải tối ưu sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn một ngôn ngữ trên sản phẩm và thay đổi độ phân giải trên máy tính của bạn thành cài đặt tối ưu.

The optimal resolution for this monitor is as follows:
**** x **** ** Hz
Use the above settings to set the resolution on your PC.
English
EXIT
AUTO

▲/▼ : Bạn có thể chọn một ngôn ngữ bằng những nút sau.
MENU : Khi nhấn nút này, thông báo được tắt đi.

- Thông báo này sẽ xuất hiện tối đa 3 lần nếu độ phân giải chưa được cài đặt tối ưu.
- Thiết lập độ phân giải tối ưu
  - Khi máy PC đã tắt nguồn, kết nối sản phẩm với máy PC và mở nguồn điện.
  - Nhấn phải chuột trên Desktop và chọn 'Properties (Thuộc tính)' từ menu pop-up (menu sổ xuống).
  - Trong thẻ 'Settings (Thiết lập)', chọn độ phân giải về độ phân giải tối ưu.
- Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

3-2 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S19B300N

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-3 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S19B300B

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-4 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S19B300NW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-5 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S20B300N

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-6 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S20B300B

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-7 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S22B300N

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-8 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S22B300B

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-9 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S22B300H

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-10 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S23B300N

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-11 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S23B300B

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-12 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S23B300H

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-13 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S24B300BL

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-14 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S24B300HL

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-15 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S24B300N

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-16 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S24B300B

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-17 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Để có độ phân giải tối ưu, hãy tham khảo các Thông số kỹ thuật.

S24B300H

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-18 Cài đặt trình điều khiển thiết bị

Nếu đã cài đặt trình điều khiển thiết bị, bạn có thể điều chỉnh độ phân giải và tần số sang cấu hình tối ưu dành cho sản phẩm. Trình điều khiển thiết bị được đóng gói trong CD-ROM đi kèm. Nếu tập tin trình điều khiển đi kèm bị lỗi, vui lòng truy cập trang web trung tâm dịch vụ (http://www.samsung.com/), công ty điện tử Samsung để tải về trình điều khiển.

1. Đưa đĩa CD-ROM cài đặt vào ổ CD-ROM.
2. Nhấp vào "Windows Driver".
3. Hoàn tất các bước cài đặt còn lại theo các chỉ dẫn hiển thị trên màn hình.
4. Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.

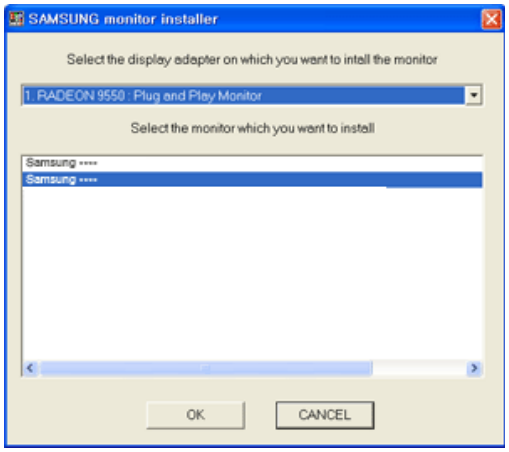
SAMSUNG monitor installer
Select the display adapter on which you want to intall the monitor
1. RADEON 9550 : Plug and Play Monitor
Select the monitor which you want to install
Samsung ****
Samsung ****
OK
CANCEL

5. Kiểm tra độ phân giải và tần số làm tươi màn hình trong thiết lập Control Panel (Bảng điều khiển). Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo tài liệu về hệ điều hành Windows.

Các nút điều khiển

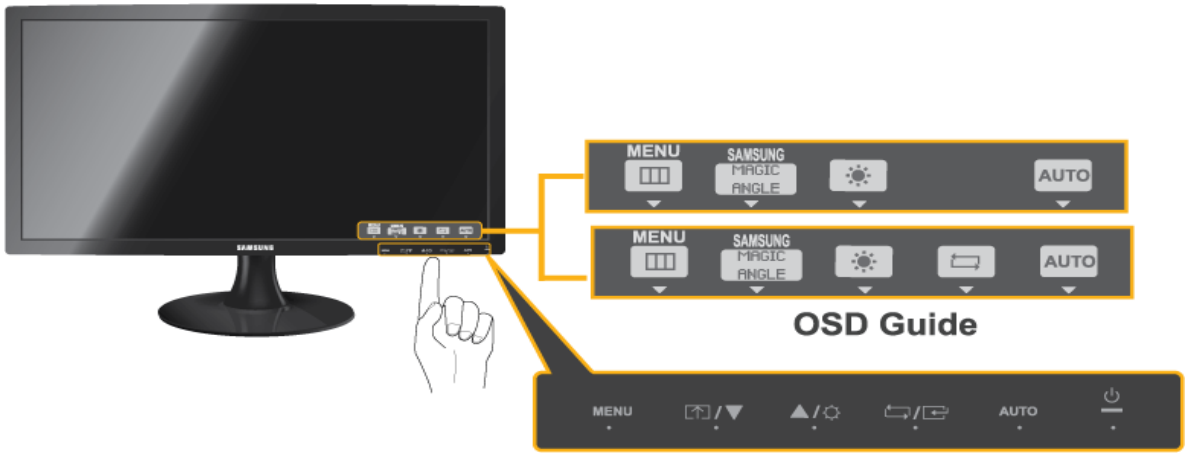

- Ấn một trong các nút trên màn hình. OSD Guide sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Nếu bạn ấn một nút ở phía trước màn hình, OSD Guide sẽ hiển thị cho biết chức năng của nút đó trước khi trình đơn cho nút bạn đã ấn xuất hiện.
- Để đi tới trình đơn, hãy ấn nút ở phía trước màn hình một lần nữa.
- Để kích hoạt một nút trên sản phẩm, hãy chạm vào phần phía dưới cùng của bảng điều khiển. Việc chạm vào phía trước xung quanh tên nút sẽ không kích hoạt nút.
- OSD Guide có thể khác nhau tùy theo tính năng và chế độ. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

BIỂU TƯỢNG	MÔ TẢ
MENU	Nhấn nút này để xem khung điều khiển (OSD). Nút này cũng được sử dụng để thoát OSD hoặc quay về menu OSD cao hơn * Khóa điều chỉnh OSD Chức năng này dùng để khóa OSD nhằm duy trì các thiết lập hiện hành hoặc tránh người khác thay đổi các thiết lập Mở: Nếu nhấn và giữ nút MENU trong 10 giây, chức năng khóa điều chỉnh OSD được kích hoạt. Tắt: Nếu nhấn và giữ nút MENU trong 10 giây một lần nữa, chức năng khóa điều chỉnh OSD bị vô hiệu. Dù chức năng khóa điều chỉnh OSD được kích hoạt, bạn vẫn có thể được điều chỉnh độ sáng, độ tương phản và có thể gán chức năng điều chỉnh cho [⬆].
⬆	Có thể cài đặt <Customized Key> cho một trong các chức năng sau. Nếu bạn nhấn Customized Key (Phím tùy chỉnh) [⬆] sau khi đã cài đặt nó, chức năng đã được cấu hình sẽ được thực hiện. • <SAMSUNG MAGIC Angle> - <SAMSUNG MAGIC Bright> - <Eco Saving> - <Image Size> • Bạn có thể cài đặt chức năng cho Customized Key bằng cách chọn <SETUP&RESET> -> <Customized Key> trong OSD. • Có thể thay đổi chức năng của phím tùy chỉnh bằng cách nhấn vào nút ⬆ trong cửa sổ phím tùy chỉnh.
▲/▼	Sử dụng các nút này để di chuyển trên menu hoặc điều chỉnh trị số trong OSD.
☼	Sử dụng nút này để kiểm soát độ sáng của màn hình.

BIỂU TƯỢNG	MÔ TẢ
⮌/⮐	Sử dụng nút này để chọn chức năng. Nếu nhấn nút [⮌/⮐] khi không có OSD, tín hiệu đầu vào được chuyển qua lại giữa (Analog/DVI hoặc Analog/HDMI) Khi chuyển đổi tín hiệu đầu vào vào bằng cách nhấn nút [⮌/⮐] hoặc khi sản phẩm được bật nguồn, một thông báo hiển thị tín hiệu đầu vào đã được chọn xuất hiện ở phía trên cùng bên trái của màn hình. ✎ Chức năng này không có sẵn trong các sản phẩm chỉ có một giao diện Analog (Tuần tự).
AUTO	Nhấn [AUTO] để điều chỉnh các thiết lập màn hình một cách tự động ✎ Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. Nếu các thiết lập độ phân giải được thay đổi Display Properties (Thuộc tính hiển thị), chức năng AUTO adjustment được thực hiện.
⏻	Nhấn nút này để tắt hay mở nguồn sản phẩm. ✎ • Các nút bên phải sản phẩm là các nút cảm ứng. • Hãy chạm nhẹ ngón tay vào các nút. **Đèn LED nguồn** Đèn LED này bật sáng khi sản phẩm hoạt động bình thường. ✎ Để biết thêm thông tin về chức năng tiết kiệm năng lượng, vui lòng tham khảo chức năng tiết kiệm năng lượng trong More Information (Thông tin thêm). Khi không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy rút dây nguồn theo khuyến cáo để giảm thiểu tiêu hao điện.

3-20 Sử dụng menu điều chỉnh màn hình (OSD:Khung điều khiển)

Menu điều chỉnh màn hình (OSD:Khung điều khiển) Cấu trúc

MENU CHÍNH	MENU PHỤ				
PICTURE	Brightness	Contrast	Sharpness	SAMSUNG MAGIC Bright	SAMSUNG MAGIC Angle
	Coarse	Fine	HDMI Black Level		
COLOR	SAMSUNG MAGIC Color	Red	Green	Blue	Color Tone
	Gamma				
SIZE & POSITION	H-Position	V-Position	Image Size	Menu H-Position	Menu V-Position
SETUP&RESET	Reset	Language	Eco Saving	Off Timer On/Off	Off Timer Setting
	PC/AV Mode	Key Repeat Time	Customized Key	Auto Source	Display Time
	Menu Transparency				
INFORMATION					

Các tính năng màn hình có thể khác nhau đối với các mẫu khác nhau. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

PICTURE

MENU	MÔ TẢ
Brightness	Điều khiển độ sáng của màn hình. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>. • Không có menu này khi tính năng <Eco Saving> được cài đặt.
Contrast	Điều chỉnh độ tương phản của các hình ảnh được hiển thị trên màn hình • Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.

MENU	MÔ TẢ
Sharpness	Điều chỉnh sự rõ nét của các chi tiết hình ảnh hiển thị trên màn hình • Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
SAMSUNG MAGIC Bright	Cung cấp sẵn các thiết lập hình ảnh được tối ưu hóa cho nhiều môi trường làm việc khác nhau như soạn thảo một tài liệu, lướt Internet, chơi game, xem thể thao hoặc phim ảnh v.v... • <Custom> Nếu các chế độ hình ảnh cài đặt sẵn chưa đáp ứng đủ, người dùng có thể cài đặt trực tiếp <brightness> và <Contrast> bằng chế độ này. • <Standard> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho soạn thảo một tài liệu và lướt Internet (văn bản + hình ảnh). • <Game> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho chơi game với nhiều chi tiết đồ họa và yêu cầu một tần số làm tươi màn hình nhanh. • <Cinema> Chế độ này cung cấp thiết lập độ sáng và độ sắc nét tương tự như màn hình TV cho môi trường giải trí tốt nhất (phim, DVD, v.v...). • <Dynamic Contrast> Điều chỉnh tự động tương phản hình ảnh sao cho ảnh sáng và tối được cân bằng toàn cục. Khi tín hiệu bên ngoài được kết nối với cổng HDMI và <PC/AV Mode> được cài đặt về <AV>, <SAMSUNG MAGIC Bright> có 4 chế độ cài đặt hình ảnh tự động (<Dynamic>, <Standard>, <Movie> và <Custom>) được cài đặt từ trước tại nhà máy sản xuất. Bạn có thể kích hoạt một trong bốn chế độ Dynamic, Standard, Movie, hoặc Custom. Bạn có thể chọn Custom để máy tự động chuyển sang chế cài đặt hình ảnh riêng của bạn • <Dynamic> Chọn chế độ này sẽ xem được hình ảnh sắc nét hơn ở chế độ Standard. • <Standard> Chọn chế độ này khi môi trường quanh màn hình có ánh sáng. Chế độ này cũng cung cấp hình ảnh sắc nét. • <Movie> Chọn chế độ này khi môi trường quanh màn hình tối. Chế độ này sẽ tiết kiệm điện và giảm bớt sự mỏi mắt khi xem. • <Custom> Chọn chế độ này khi bạn muốn chỉnh hình ảnh theo ý muốn. Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> hoặc <Eco Saving> được cài đặt.

MENU	MÔ TẢ
SAMSUNG MAGIC Angle	Tính năng này cho phép bạn xem chất lượng tối ưu của màn hình theo vị trí xem của bạn. Khi xem màn hình từ góc bên dưới, phía trên hoặc bên cạnh màn hình, bạn có thể thu được chất lượng hình ảnh tương tự như xem màn hình trực tiếp từ phía trước bằng cách thiết lập chế độ phù hợp cho mỗi vị trí. Thiết lập là <Off> khi xem trực tiếp từ phía trước màn hình. • <Off> 1 - Chọn khi xem từ phía trước. • <Lean Back Mode1> 2 - Chọn khi xem từ từ vị trí thấp hơn một chút. • <Lean Back Mode2> 3 - Chọn khi xem từ từ vị trí thấp hơn. • <Standing Mode> 4 - Chọn khi xem từ phía trên màn hình. • <Side Mode> 5 -Chọn khi xem từ bên trái hoặc bên phải. • <Group View> - Chọn khi hai người hoặc nhiều hơn xem ở vị trí 1, 4, 5 cùng một lúc. • <Custom> - Khi chọn <Custom>, thiết lập <Lean Back Mode 1> được áp một cách mặc định. Người dùng có thể thiết lập chất lượng hình ảnh phù hợp như mong muốn. 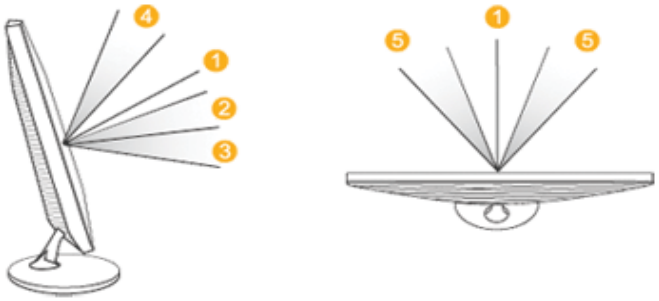 • Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt.
Coarse	Loại bỏ nhiễu sọc dọc (nhóm sọc) từ màn hình. Vị trí của màn hình có thể bị thay đổi sau khi điều chỉnh. Trong trường hợp này, dời màn hình sao cho màn hình được hiển thị ở trung tâm bằng cách sử dụng menu <H-Position>. Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog.
Fine	Loại bỏ nhiễu sọc ngang (nhóm sọc) từ màn hình. Nếu bạn không thể loại bỏ nhiễu hoàn toàn với chức năng <Fine> hãy sử dụng chức năng <Coarse> sau đó sử dụng lại chức năng <Fine>. Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog.
HDMI Black Level	Khi xem bằng đầu DVD hoặc một hộp set-top được kết nối đến thiết bị thông qua cáp HDMI, việc giảm chất chất lượng hình ảnh (mức độ đen, mức độ tương phản thấp, sắc màu nhạt hơn, v.v..) có thể xuất hiện tùy vào thiết bị bên ngoài được kết nối. • <Normal> • <Low> Chức năng này chỉ hoạt động khi thiết bị bên ngoài được kết nối qua <HDMI>. Chức năng <HDMI Black Level> có thể không tương thích với tất cả thiết bị bên ngoài.

COLOR

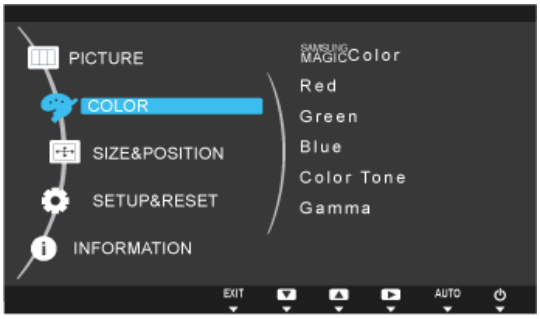

MENU	MÔ TẢ
SAMSUNG MAGIC Color	Biểu thị màu sắc tự nhiên một cách rõ ràng mà không làm biến đổi chất lượng hình ảnh nhờ sử dụng công nghệ cải thiện chất lượng hình ảnh được phát triển bởi công ty điện tử Samsung. • <Off> - Tắt chức năng <SAMSUNG MAGIC Color>. • <Demo> - Bạn có thể so sánh các hình ảnh được xử lý bởi <SAMSUNG MAGIC Color> với các hình ảnh gốc. • <Full> - Cho hình ảnh rõ ràng hơn ở cả những vùng có màu da. • <Intelligent> - Cải thiện độ kết tủa màu ở hình ảnh ngoại trừ những vùng tương xứng với màu da. Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> được cài đặt.
Red	Bạn có thể điều chỉnh sắc đỏ của hình ảnh theo sở thích. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Green	Bạn có thể điều chỉnh sắc xanh lục của hình ảnh theo sở thích. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Blue	Bạn có thể điều chỉnh sắc xanh dương của hình ảnh theo sở thích. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.

MENU	MÔ TẢ
Color Tone	Bạn có thể đặt nhiệt độ màu theo sở thích của mình. • <Cool 2> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu rất lạnh. • <Cool 1> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu lạnh. • <Normal> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang nhiệt độ màu chuẩn. • <Warm 1> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu ấm. • <Warm 2> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu rất ấm. • <Custom> - Chọn menu này để đặt nhiệt độ màu bằng tay. Nếu không thích nhiệt độ màu hiện tại, bạn có thể điều chỉnh thủ công giá trị RGB. Khi tín hiệu đầu vào từ bên ngoài được kết nối thông qua cổng HDMI và <PC/AV Mode> được đặt về<AV>,<Color Tone> sẽ có bốn thiết lập nhiệt độ màu (<Cool>, <Normal>, <Warm> và <Custom>). • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> được cài đặt.
Gamma	Sử dụng menu này, bạn có thể thay đổi cường độ của màu sắc ở độ sáng trung bình. • <Mode1> - <Mode2> - <Mode3> Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> được cài đặt.

(Tính năng này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> và <Cinema>.)

SIZE & POSITION

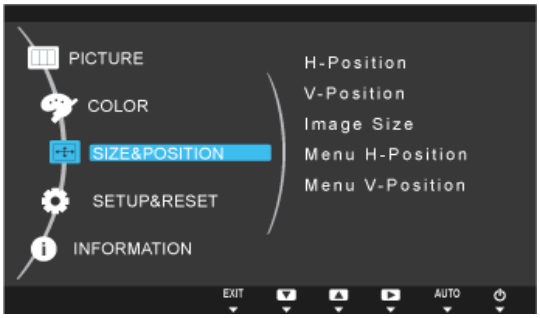

MENU	MÔ TẢ
H-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều ngang. • Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. • Khi nhận tín hiệu 720P hoặc 1080P trong chế độ AV, chọn <Screen Fit> để điều chỉnh vị trí ngang theo mức từ 0-6.
V-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều dọc. • Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. • Khi một tín hiệu 720P hoặc 1080P là đầu vào trong chế độ AV, hãy chọn <Screen Fit>để điều chỉnh vị trí theo chiều dọc trong cấp độ từ 0 đến 6.

MENU	MÔ TẢ
Image Size	Chỉ cung cấp cho các kiểu màn hình rộng như 16:9 hoặc 16:10 **Tín hiệu máy PC** • <Auto> - Hình ảnh được hiển thị theo tỉ lệ co của tín hiệu vào. • <Wide> - Hình ảnh được hiển thị toàn màn hình bất chấp tỉ lệ co của tín hiệu vào. • Tín hiệu không có trong bảng chuẩn không được hỗ trợ. • Nếu độ phân giải được thiết lập ở độ phân giải tối ưu, tỉ lệ co không thay đổi dù cho <Image Size> được để là <Auto> hoặc <Wide>. **Tín hiệu AV** • <4 : 3> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 4 :3. • <16 : 9> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 16 :9. • <Screen Fit> - Nếu dùng tín hiệu chuẩn 720P hoặc 1080P trong chế độ ngõ vào HDMI/DVI, hình ảnh được thể hiện trọn vẹn như nguyên bản. Điều này chỉ thực hiện được khi ngõ nhập ngoại được kết nối với cổng HDMI/DVI và <PC/AV Mode> được để <AV>.
Menu H-Position	Bạn có thể điều chỉnh hoành vị của OSD.
Menu V-Position	Bạn có thể điều chỉnh tung vị của OSD.

SETUP&RESET

MENU	MÔ TẢ
Reset	Sử dụng chức năng này để khôi phục các thiết lập chất lượng và màu về các mặc định xuất xưởng. • <Yes> - <No>
Language	Chọn một ngôn ngữ cho OSD. • **Deutsch, English,Español,Français,Italiano,Magyar,Polski, Português,Русский,Svenska,Türkçe,日本語, 한국어 ,汉语** Ngôn ngữ được lựa chọn chỉ được sử dụng trên OSD của sản phẩm. Sự thiết lập này không ảnh hưởng các chức năng khác của máy PC.

MENU	MÔ TẢ
Eco Saving	Tính năng này cung cấp người dùng chế độ tiết kiệm năng lượng. Chế độ này được nhận thấy bằng cách hạ thấp dòng điện của panel màn hình. • <75%> Khi chọn <75%>, tiêu thụ điện chiếm khoảng 75% của cài đặt mặc định. • <50%> Khi chọn <50%>, tiêu thụ điện chiếm khoảng 50% của cài đặt mặc định. • <Off> Khi chọn <Off>, tính năng này sẽ bị tắt. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>.
Off Timer On/Off	Bạn có thể kích hoạt hay tắt bộ định giờ tắt. • <Off> - <On>
Off Timer Setting	Tự động tắt nguồn điện khi đã đến thời gian chọn trước. • Tính năng này chỉ có khi chọn <On> trong <Off Timer On/Off>.
PC/AV Mode	Cài đặt là PC khi kết nối với một PC. Cài đặt là AV khi kết nối với một thiết bị AV. • Chức năng này không hỗ trợ chế độ Analog. • Chỉ cung cấp cho các kiểu màn hình rộng như 16:9 hoặc 16:10 • Nếu màn hình (khi cài đặt về DVI hoặc HDMI) đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc đang hiển thị thông báo <Check Signal Cable>, hãy ấn nút MENU để hiển thị trình đơn điều khiển trên màn hình (OSD). Bạn có thể lựa chọn <PC> hoặc <AV>.
Key Repeat Time	Kiểm soát thời gian hoãn lặp của một nút. Bạn có thể đặt thành <Acceleration>, <1 sec> hoặc <2 sec>. Nếu chọn <No Repeat>, nút này chỉ phản ứng một lần.
Customized Key	Bạn có thể cài đặt một trong số các chức năng sau cho Customized Key (Phím tùy chỉnh). • <SAMSUNG MAGIC Angle> - <SAMSUNG MAGIC Bright> - <Eco Saving> - <Image Size>
Auto Source	• <Auto> - Màn hình tự động lựa chọn một tín hiệu vào. • <Manual> - Người sử dụng phải chọn một tín hiệu vào bằng tay. Không áp dụng cho các kiểu (D-SUB)-Analog hoặc(DVI)kỹ thuật số chuyên dụng.
Display Time	OSD tự động ẩn khi không được tác động đến. Bạn có thể chỉ định thời gian chờ trước khi OSD tự tắt. • <5 sec> - <10 sec> - <20 sec> - <200 sec>
Menu Transparency	Bạn có thể lựa chọn OSD trong suốt. • <Off> - <On>

INFORMATION

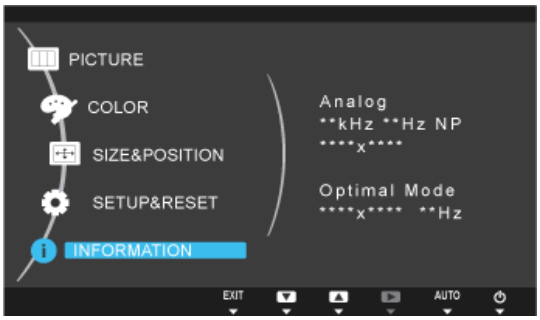

MENU	MÔ TẢ
INFORMATION	Hiển thị tần số và độ phân giải thiết lập trên máy PC. Đối với những kiểu chỉ có một giao diện Analog, <Analog/DVI/HDMI> không hiển thị trong mục <Information>.

3-21 Cấu hình Brightness và Contrast trong Màn hình Ban đầu

Điều chỉnh cài đặt Brightness hoặc Contrast bằng các nút [☼] trong màn hình bắt đầu (nơi menu OSD không hiển thị).

1. Nhấn bất kỳ nút nào ở đằng trước sản phẩm (khi không có màn hình menu nào được hiển thị) để hiển thị Hướng dẫn phím. Tiếp theo, nhấn [☼]. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

2. Nhấn nút [⮌/⏎] để chuyển đổi giữa cài đặt Brightness và Contrast.
3. Điều chỉnh cài đặt Brightness hoặc Contrast bằng các nút [▲/▼].

4 Cài đặt phần mềm

4-1 Natural Color

Thế nào là Natural Color ?

Phần mềm này chỉ làm việc trên những sản phẩm Samsung và cho phép điều chỉnh màu sắc hiển thị trên sản phẩm và đối chiếu với màu trên sản phẩm với màu của những bức ảnh được in ra. Để biết thêm thông tin chi tiết, tham khảo trợ giúp trực tuyến của phần mềm (F1).

Chương trình phần mềm Natural Color (Màu sắc tự nhiên) được cung cấp trực tuyến. Bạn có thể tải chương trình này từ trang web dưới đây để cài đặt:

http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/naturalcolorexpert/pop_download.html

4-2 MagicTune

Thế nào là MagicTune?

MagicTune là phần mềm trợ giúp tùy chỉnh màn hình bằng cách cung cấp các mô tả đầy đủ chức năng màn hình và các hướng dẫn dễ hiểu.

Người sử dụng có thể điều chỉnh sản phẩm từ chuột hoặc bàn phím mà không cần thao tác trên các nút điều khiển.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MagicTune.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin cài đặt MagicTune trên CD-ROM.

3. Chọn ngôn ngữ cài đặt và nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng MagicTune có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MagicTune™)

Cài đặt MagicTune™có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Yêu cầu về hệ thống

OS

- Windows XP, Windows Vista, Windows 7, Windows 8

Gỡ bỏ phần mềm

Bạn chỉ có thể gỡ bỏ MagicTune™từ [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Windows.

Để gỡ bỏ MagicTune™, hãy hoàn thành các bước sau.

1. Nhấp [Start (Bắt đầu)] chọn [Settings (Cài đặt)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
   Trong Windows XP, nhấp [Start (Bắt đầu)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
2. Nhấp đúp vào biểu tượng [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Control Panel (Bảng điều khiển).
3. Trong cửa sổ [Add/Remove (Thêm/Gỡ bỏ)] tìm và chọn MagicTune™, tên chương trình hiện sáng lên khi được chọn.
4. Nhấp [Change or Remove Programs (Thay đổi hoặc gỡ bỏ chương trình)] để gỡ bỏ phần mềm.
5. Chọn [Yes (Có)] để bắt đầu gỡ bỏ MagicTune™.
6. Chờ đến khi xuất hiện một thông báo phần mềm đã được gỡ bỏ hoàn toàn.

Để được hỗ trợ kỹ thuật, xem FAQ (các câu hỏi thường gặp) hoặc thông tin về nâng cấp phần mềm MagicTune™, vui lòng truy cập website của chúng tôi.

Thế nào là MultiScreen?

Tính năng MultiScreen cho phép người dùng có thể chia màn hình ra nhiều khu vực.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MultiScreen.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin MultiScreen trên CD-ROM.

3. Khi màn hình Installation Wizard xuất hiện, nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

   - Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
   - Biểu tượng MultiScreen có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
   - Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MultiScreen)

Cài đặt MultiScreen có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hệ điều hành

OS

- Windows 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32Bit
- Windows 7 32Bit
- Windows 8 32Bit

Để sử dụng MultiScreen, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

Gỡ bỏ phần mềm

Nhấp [Start (Bắt đầu)], chọn [Settings (Cài đặt)]/[Control Panel (Bảng điều khiển)] và nhấp kép vào [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)].

Chọn MultiScreen từ danh sách và nhấp nút [Add/Delete (Thêm/Xóa)].

5 Giải quyết sự cố

5-1 Tự chuẩn đoán màn hình - Self-Diagnosis

- Bạn có thể kiểm tra sự hoàn hảo của sản phẩm bằng chức năng Self-Diagnosis.
- Lúc màn hình trống xuất hiện và đèn LED nguồn nhấp nháy ngay cả khi sản phẩm và máy PC đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy thực hiện chức năng tự chuẩn đoán theo như trình tự sau.

1. Tắt nguồn sản phẩm và máy PC.
2. Tháo rời cáp tín hiệu khỏi sản phẩm.
3. Bật sản phẩm.
4. Nếu sản phẩm đang hoạt động tốt, bạn nhận được thông báo <Check Signal Cable>.
   Trong trường hợp này, nếu màn hình trống xuất hiện lần nữa, hãy chắc chắn rằng không có trục trặc với máy PC và kết nối.
   Sản phẩm hoạt động hoàn hảo.

5-2 Trước khi yêu cầu dịch vụ

Vui lòng kiểm tra các nội dung sau trước khi yêu cầu dịch vụ hậu mãi. Nếu trục trặc vẫn còn, vui lòng liên hệ trung tâm dịch vụ công ty điện tử Samsung gần nhất.

MÀN HÌNH TRỐNG XUẤT HIỆN/ TÔI KHÔNG THỂ MỞ NGUỒN SẢN PHẨM	
Đã cắm dây nguồn đúng cách chưa?	Kiểm tra tình trạng kết nối của dây nguồn.
Có thông báo <Check Signal Cable> xuất hiện trên màn hình?	(Đã kết nối sử dụng cáp D-sub) Hãy kiểm tra lại cáp kết nối với PC với sản phẩm. (Sử dụng cáp DVI kết nối) Trong trường hợp thông báo này vẫn xuất hiện trên màn hình ngay cả khi cáp đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy kiểm tra lại nguồn tín hiệu vào bằng cách nhấn nút [⮌/⮐] của sản phẩm.
Xuất hiện thông báo <Not Optimum Mode> trên màn hình?	Điều này xảy ra khi tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải tối đa của sản phẩm. Trong trường hợp này, hãy thiết lập độ phân giải và tần số phù hợp cho sản phẩm.
Màn hình trống xuất hiện và LED nguồn nhấp nháy mỗi giây một lần?	1. Điều này xảy ra khi chức năng tiết kiệm điện đang được sử dụng. Nếu bạn nhấp chuột hoặc nhấn phím bất kỳ, màn hình sẽ được kích hoạt trở lại. 2. Nếu tình trạng <Check Signal Cable> diễn ra dài hơn năm phút, chức năng tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.
Bạn có sử dụng cáp DVI?	Nếu bạn kết nối cáp DVI trong khi máy PC đang khởi động hoặc cắm lại cáp DVI sau ngắt ra trong lúc sử dụng máy PC, màn hình có thể không hiển thị do một số card màn hình không xuất tín hiệu video. Trong trường hợp này, khởi động lại máy PC với cáp DVI đã được kết nối sẵn.
Bạn sẽ thấy có các khoảng trống ở phía trên và phía dưới màn hình khi cáp [HDMI]hoặc [HDMI-DVI] được kết nối với màn hình hoặc PC.	Màn hình không gây nên các khoảng trống trên màn hình. Nguyên nhân gây nên vấn đề trên là do PC hoặc card đồ họa, và có thể xử lý bằng cách điều chỉnh kích thước của màn hình trong tùy chọn HDMI hoặc DVI của trình đơn cài đặt card đồ họa. Nếu trình đơn cài đặt card đồ họa không có tùy chọn để điều chỉnh kích thước màn hình, hãy cập nhật trình điều khiển card đồ họa tới phiên bản mới nhất. (Hãy liên hệ với nhà sản xuất card đồ họa hoặc máy tính để biết thêm thông tin chi tiết về cách điều chỉnh cài đặt màn hình.)
HÌNH ẢNH QUÁ SÁNG HOẶC QUÁ TỐI.	
Điều chỉnh <Brightness> và <Contrast>. (Tham khảo <Brightness>, <Contrast>) Độ sáng màn hình có thể khác nhau tùy theo chế độ được cài đặt cho <SAMSUNG MAGIC Angle>. Nếu <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt là <Dynamic Contrast>, độ sáng màn hình có thể khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào.	
MENU ĐIỀU CHỈNH MÀN HÌNH (OSD) KHÔNG XUẤT HIỆN.	
Bạn đã hủy điều chỉnh màn hình?	Kiểm tra chức năng Khóa điều chỉnh OSD có bị tắt.

MÀU SẮC NHẬP NHẰNG/CHỈ CÓ HÌNH ẢNH TRẮNG ĐEN	
Cả màn hình chỉ có một màu như thể màn hình có che giấy bóng kính?	Kiểm tra kết nối với máy tính. Gắn lại card màn hình cho thật chặt.
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.
VÙNG HIỂN THỊ ĐỘT NGỘT DI CHUYỂN VỀ PHÍA RÌA HOẶC TRUNG TÂM.	
Bạn có thay đổi card màn hình hay trình điều khiển?	Vui lòng nhấn nút [AUTO] để kích hoạt chức năng tự điều chỉnh.
Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?	Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.
HÌNH ẢNH MẤT HỘI TỤ.	
Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?	Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)
MÀN HÌNH HIỂN THỊ DẠNG 16 BIT (16 MÀU). MÀU SẮC THAY ĐỔI SAU KHI THAY ĐỔI CARD MÀN HÌNH.	
Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?	Windows XP : Hãy cài đặt lại màu bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Chủ đề → Hiển thị→ Cài đặt. Windows ME/2000 : Thiết lập màu lại bằng cách chọn Control Panel (Bảng điều khiển) → Display (Hiển thị)→ Settings (Cài đặt). Windows Vista : thay đổi cài đặt màu bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Cài đặt hiển thi. Windows 7 : Thay đổi cài đặt màu sắc bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị vàTùy chỉnh→ Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải → Cài đặt nâng cao → Màn hình. Windows 8 : Thay đổi cài đặt màu sắc bằng cách chọn Cài đặt → Bảng điều khiển → Hiển thị vàTùy chỉnh→ Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải → Cài đặt nâng cao → Màn hình. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ điều hành Windows.)
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Xác lập chế độ màu lại cho phù hợp với trình điều khiển card màn hình mới.
KHI KẾT NỐI VỚI MÀN HÌNH, XUẤT HIỆN THÔNG BÁO 'KHÔNG TÌM THẤY MÀN HÌNH, TÌM THẤY MÀN HÌNH CẮM&CHẠY (VESA DDC)'.	
Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?	Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.
Kiểm tra xem tất cả các chức năng cắm&chạy (VESA DDC) có được hỗ trợ tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của card màn hình.	Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.
TÔI THẤY CÁC VẾT DÍNH NHỎ XUẤT HIỆN Ở CÁC VIỀN NGOÀI CỦA SẢN PHẨM.	
Do sản phẩm này được thiết kế sao cho màu sắc có vẻ mềm mại bằng cách phủ một chất trong suốt lên trên các viền đen, vì thế bạn có thể thấy chúng. Điều này không phải khiếm khuyết của sản phẩm.	
ÂM THANH "BÍP, BÍP" PHÁT RA KHI KHỞI ĐỘNG MÁY TÍNH.	
Nếu tiếng bíp kêu 3 lần hoặc nhiều hơn khi khởi động máy tính, vui lòng yêu cầu dịch vụ về máy tính.	

5-3 Các câu hỏi thường gặp (FAQ)

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)!	HÃY THỬ THỰC HIỆN CÁC CÁCH SAU!
Làm thế nào để thay đổi tần số?	Đặt tần số trên card màn hình. Windows XP : Chọn Pa-nen điều khiển → Diện mạo và chủ đề → Màn hình → Thiết đặt → Chuyên sâu → Màn hình và điều chỉnh Tốc độ làm mới trong Thiết đặt màn hình. Windows ME/2000 : Vào Pa-nen điều khiển → Màn hình → Thiết đặt → Chuyên sâu → Màn hình, và điều chỉnh Tốc độ làm mới bên dưới Thiết đặt màn hình. Windows Vista : Chọn Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Thiết đặt màn hình → Thiết đặt chuyên sâu → Màn hình và điều chỉnh Tốc độ làm mới trong Thiết đặt màn hình. Windows 7 : Chọn Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Thiết đặt màn hình → Thiết đặt chuyên sâu → Màn hình và điều chỉnh Tốc độ làm mới trong Thiết đặt màn hình. Windows 8 : Chọn Cài đặt → Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Thiết đặt màn hình → Thiết đặt chuyên sâu → Màn hình và điều chỉnh Tốc độ làm mới trong Thiết đặt màn hình.
Làm thế nào để chỉnh sửa độ phân giải?	Windows XP : Hãy đi đến Pa-nen điều khiển → Diện mạo và chủ đề → Màn hình → Thiết đặt và điều chỉnh độ phân giải. Windows ME/2000 : Hãy đi đến Pa-nen điều khiển→ Màn hình→ Thiết đặt và điều chỉnh độ phân giải. Windows Vista : Hãy đi đến Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Thiết đặt màn hình và điều chỉnh độ phân giải. Windows 7 : Hãy đi đến Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải và điều chỉnh độ phân giải. Windows 8 : Hãy đi đến Thiết đặt → Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải và điều chỉnh độ phân giải.
Làm thế nào để cài đặt tính năng tiết kiệm năng lượng?	Windows XP : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trongBảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Màn hình → Cài đặt màn hình chờ hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. Windows ME/2000 : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trongBảng điều khiển → Màn hình → Cài đặt màn hình chờ hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. Windows Vista : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trongBảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Tùy chỉnh → Cài đặt màn hình chờ hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. Windows 7 : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trongBảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Tùy chỉnh → Cài đặt màn hình chờ hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. Windows 8 : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong Thiết đặt → Bảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Tùy chỉnh → Cài đặt màn hình chờ hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.

6 Thông tin bổ sung

6-1 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19B300N
Tấm panel	Kích thước	18,5 inch (47 cm)
	Vùng hiển thị	409,8 mm (Ngang) X 230,4 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,3 mm (Ngang) x 0,3 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1366 x 768 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1366 x 768 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		89MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V, Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		445 x 273 x 53 mm (Không có chân đế) 445 X 348 X 177 mm (Có chân đế) / 2,3 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-2 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-3 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19B300B
Tấm panel	Kích thước	18,5 inch (47 cm)
	Vùng hiển thị	409,8 mm (Ngang) X 230,4 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,3 mm (Ngang) x 0,3 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1366 x 768 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1366 x 768 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		89MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		445 x 273 x 53 mm (Không có chân đế) 445 X 348 X 177 mm (Có chân đế) / 2,3 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-4 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-5 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19B300NW
Tấm panel	Kích thước	19 inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) X 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1440 x 900 @ 75Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		444 x 299 x 53 mm (Không có chân đế) 444 x 373 x 177 mm (Có chân đế) / 2,3 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-6 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-7 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S20B300N
Tấm panel	Kích thước	20 inch (50 cm)
	Vùng hiển thị	442,8 mm (Ngang) X 249,08 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27625 mm (Ngang) x 0,27625 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1600 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1600 x 900 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		150MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		478 x 291 x 53 mm (Không có chân đế) 478 X 365 X 177 mm (Có chân đế) / 2,1 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B
- **Panel Dot (Điểm ảnh)**

  Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-8 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-9 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S20B300B
Tấm panel	Kích thước	20 inch(50 cm)
	Vùng hiển thị	442,8 mm (Ngang) X 249,08 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27625 mm (Ngang) x 0,27625 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1600 x 900 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1600 x 900 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		150MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		478 x 291 x 53 mm (Không có chân đế) 478 X 365 X 177 mm (Có chân đế) / 2,1 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B
- **Panel Dot (Điểm ảnh)**

  Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-10 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-11 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S22B300N
Tấm panel	Kích thước	21,5 inch(54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) X 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		512 x 311 x 53 mm (Không có chân đế) 512 X 385 X 197 mm (Có chân đế) / 3,0 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-12 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-13 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S22B300B
Tấm panel	Kích thước	21,5 inch (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) X 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog/Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		512 x 311 x 53 mm (Không có chân đế) 512 X 385 X 197 mm (Có chân đế) / 3,0 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B
- **Panel Dot (Điểm ảnh)**

  Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-14 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-15 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S22B300H
Tấm panel	Kích thước	21,5 inch (54 cm)
	Vùng hiển thị	476,64 mm (Ngang) X 268,11 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,24825 mm (Ngang) x 0,24825 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, HDMI (Giao diện Đa phương tiện Độ trung thực cao) 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,HDMI)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Cáp chuyển từ HDMI sang DVI, Có thể tách rời Cáp HDMI, Có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		512 x 311 x 53 mm (Không có chân đế) 512 X 385 X 197 mm (Có chân đế) / 3,0 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-16 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-17 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S23B300N
Tấm panel	Kích thước	23 inch (58 cm)
	Vùng hiển thị	509,76 mm (Ngang) X 286,74 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2655 mm (Ngang) x 0,2655 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		547 x 330 x 53 mm (Không có chân đế) 547 X 405 X 197 mm (Có chân đế) / 2,9 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-18 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-19 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S23B300B
Tấm panel	Kích thước	23 inch (58 cm)
	Vùng hiển thị	509,76 mm (Ngang) X 286,74 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2655 mm (Ngang) x 0,2655 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		547 x 330 x 53 mm (Không có chân đế) 547 X 405 X 197 mm (Có chân đế) / 2,9 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B
- **Panel Dot (Điểm ảnh)**

  Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-20 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-21 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S23B300H
Tấm panel	Kích thước	23 inch (58 cm)
	Vùng hiển thị	509,76 mm (Ngang) X 286,74 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2655 mm (Ngang) x 0,2655 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, HDMI (Giao diện Đa phương tiện Độ trung thực cao) 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,HDMI)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Cáp chuyển từ HDMI sang DVI, Có thể tách rời Cáp HDMI, Có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		547 x 330 x 53 mm (Không có chân đế) 547 X 405 X 197 mm (Có chân đế) / 2,9 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-22 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-23 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24B300BL
Tấm panel	Kích thước	23,6 inch (59 cm)
	Vùng hiển thị	521,28 mm (Ngang) X 293,22 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2715 mm (Ngang) x 0,2715 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		569 x 342 x 53 mm (Không có chân đế) 569 X 416 X 197 mm (Có chân đế) / 3,8 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-24 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-25 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24B300HL
Tấm panel	Kích thước	23,6 inch (59 cm)
	Vùng hiển thị	521,28 mm (Ngang) X 293,22 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2715 mm (Ngang) x 0,2715 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, HDMI 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,HDMI)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Cáp chuyển từ HDMI sang DVI, Có thể tách rời Cáp HDMI, Có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		569 x 342 x 53 mm (Không có chân đế) 569 X 416 X 197 mm (Có chân đế) / 3,8 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-26 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-27 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24B300N
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) X 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		569 x 342 x 53 mm (Không có chân đế) 569 X 416 X 197 mm (Có chân đế) / 3,4 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-28 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-29 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24B300B
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) X 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		569 x 342 x 53 mm (Không có chân đế) 569 X 416 X 197 mm (Có chân đế) / 3,4 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-30 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-31 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24B300H
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) X 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, HDMI 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		164MHz (Analog,HDMI)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối HDMI vào DVI-D, Có thể tách rời Cáp HDMI, Có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		569 x 342 x 53 mm (Không có chân đế) 569 X 416 X 197 mm (Có chân đế) / 3,4 kg
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		0˚(±2,0˚) ~20,0˚(±2,0˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

Panel Dot (Điểm ảnh)

Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

6-32 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	30 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-33 Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

• Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

NORTH AMERICA		
U.S.A	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
CANADA	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com/ca (English) http://www.samsung.com/ca_fr (French)
MEXICO	01-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
LATIN AMERICA		
ARGENTINE	0800-333-3733	http://www.samsung.com
BOLIVIA	800-10-7260	http://www.samsung.com
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	http://www.samsung.com
CHILE	800-SAMSUNG (726-7864) From mobile 02-482 82 00	http://www.samsung.com
COLOMBIA	01-8000112112	http://www.samsung.com
COSTA RICA	0-800-507-7267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
DOMINICA	1-800-751-2676	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
ECUADOR	1-800-10-7267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
EL SALVADOR	800-6225	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
GUATEMALA	1-800-299-0013	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
HONDURAS	800-27919267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
JAMAICA	1-800-234-7267	http://www.samsung.com

LATIN AMERICA		
NICARAGUA	00-1800-5077267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
PANAMA	800-7267	http://www.samsung.com/latin (Spanish) http://www.samsung.com/latin_en (English)
PERU	0-800-777-08	http://www.samsung.com
PUERTO RICO	1-800-682-3180	http://www.samsung.com
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
VENEZUELA	0-800-100-5303	http://www.samsung.com
EUROPE		
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG (7267864, € 0.07/min)	http://www.samsung.com
BELGIUM	02-201-24-18	http://www.samsung.com/be (Dutch) http://www.samsung.com/be_fr (French)
BOSNIA	05 133 1999	http://www.samsung.com
BULGARIA	07001 33 11 , normal tariff	http://www.samsung.com
CROATIA	062 SAMSUNG (062 726 7864)	http://www.samsung.com
CYPRUS	8009 4000 only from landline (+30) 210 6897691 from mobile and land line	http://www.samsung.com
CZECH	800-SAMSUNG (800-726786)	http://www.samsung.com
	Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o.,Oasis Florenc, Sokolovská 394/17, 180 00, Praha 8	
DENMARK	70 70 19 70	http://www.samsung.com
EIRE	0818 717100	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com
FINLAND	09 85635050	http://www.samsung.com
FRANCE	01 48 63 00 00	http://www.samsung.com
GERMANY	0180 5 SAMSUNG bzw. 0180 5 7267864* (*0,14 €/Min. aus dem dt. Festnetz, aus dem Mobilfunk max. 0,42 €/Min.)	http://www.samsung.com
GREECE	80111-SAMSUNG (80111 726 7864) only from land line (+30) 210 6897691 from mobile and land line	http://www.samsung.com
HUNGARY	06-80-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com
ITALIA	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com

EUROPE		
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com
LUXEMBURG	261 03 710	http://www.samsung.com
MONTENEGRO	020 405 888	http://www.samsung.com
NETHERLANDS	0900-SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)	http://www.samsung.com
NORWAY	815 56480	http://www.samsung.com
POLAND	0 801-1SAMSUNG (172-678) +48 22 607-93-33	http://www.samsung.com
PORTUGAL	808 20-SAMSUNG (808 20 7267)	http://www.samsung.com
ROMANIA	08008 SAMSUNG (08008 726 7864) TOLL FREE No.	http://www.samsung.com
SERBIA	0700 Samsung (0700 726 7864)	http://www.samsung.com
SLOVAKIA	0800 - SAMSUNG(0800-726 786)	http://www.samsung.com
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678)	http://www.samsung.com
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	http://www.samsung.com
SWITZERLAND	0848 - SAMSUNG (7267864, CHF 0.08/min)	http://www.samsung.com/ch (German) http://www.samsung.com/ch_fr (French)
U.K	0330 SAMSUNG (7267864)	http://www.samsung.com
CIS		
ARMENIA	0-800-05-555	http://www.samsung.com
AZERBAIJAN	088-55-55-555	http://www.samsung.com
BELARUS	810-800-500-55-500	http://www.samsung.com
GEORGIA	0-800-555-555	http://www.samsung.com
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799)	http://www.samsung.com
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MOLDOVA	0-800-614-40	http://www.samsung.com
MONGOLIA	+7-800-555-55-55	http://www.samsung.com
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http://www.samsung.com/ua (Ukrainian) http://www.samsung.com/ua_ru (Russian)
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
ASIA PACIFIC		
AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com
CHINA	400-810-5858	http://www.samsung.com
HONG KONG	(852) 3698 4698	http://www.samsung.com/hk (Chinese) http://www.samsung.com/hk_en (English)

ASIA PACIFIC		
INDIA	1800 1100 11 3030 8282 1800 3000 8282 1800 266 8282	http://www.samsung.com
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	http://www.samsung.com
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	http://www.samsung.com
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG(726-7864) for PLDT 1-800-3-SAMSUNG (726-7864) for Digitel 1-800-8-SAMSUNG(726-7864) for Globe 02-5805777	http://www.samsung.com
SINGAPORE	1800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
TAIWAN	0800-329-999 0266-026-066	http://www.samsung.com
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	http://www.samsung.com
VIETNAM	1 800 588 889	http://www.samsung.com

MENA		
BAHRAIN	8000-4726	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
EGYPT	08000-726786	http://www.samsung.com
IRAN	021-8255	http://www.samsung.com
JORDAN	800-22273 065777444	http://www.samsung.com
KUWAIT	183-2255	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
MOROCCO	080 100 2255	http://www.samsung.com
OMAN	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
SAUDI ARABIA	9200-21230	http://www.samsung.com/ae (English) http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic)
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com
U.A.E	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

AFRICA		
ANGOLA	91-726-7864	http://www.samsung.com
BOTSWANA	0800-726-000	http://www.samsung.com
CAMEROON	7095- 0077	http://www.samsung.com
COTE D' IVOIRE	8000 0077	http://www.samsung.com
GHANA	0800-10077 0302-200077	http://www.samsung.com
KENYA	0800 545 545	http://www.samsung.com
NAMIBIA	8197267864	http://www.samsung.com
NIGERIA	0800-726-7864	http://www.samsung.com
SENEGAL	800-00-0077	http://www.samsung.com
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
TANZANIA	0685 88 99 00	http://www.samsung.com
UGANDA	0800 300 300	http://www.samsung.com
ZAMBIA	211350370	http://www.samsung.com

6-34 Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)

Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng sản phẩm hoặc chỉ điều chỉnh các tuỳ chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng do sản phẩm khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng

Hỏng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách.

Nếu hỏng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...) .
- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màng rung, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...)

Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.